TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 22-06- 2022
V/v: "tranh chấp về chia tài sản sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quyến
Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình
Ông Phạm Hoàng Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Hoàng Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc "*Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/HNGĐ-ST ngày 10/02/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**:** Bà **Nguyễn Thanh Th,** sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn**:** Ông **Nguyễn Hồng T,** sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ:phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

3. Người kháng cáo: bị đơn Nguyễn Hồng T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn bà Nguyễn Thanh Th trình bày và yêu cầu:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2020, bà Th cho rằng, trước đây bà và ông T là vợ chồng và đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 109/2019/QĐST- HNGĐ ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân quận B. Trong thời kỳ hôn nhân với ông T, ông bà có tạo lập chung được tài sản là phần đất có diện tích 105,8m^2, thuộc thửa số 280, tờ bản đồ số 46, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H002142/AT

cấp ngày 05/7/2006, tọa lạc tại đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ. Khi giải quyết ly hôn, bà và ông T đều không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, để hai bên tự thỏa thuận với nhau. Nhưng thực tế sau đó, hai bên không thể thỏa thuận được. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu được chia đôi phần đất, mỗi người nhận là 52,9m^2.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Th yêu cầu được nhận phần đất theo hiện trạng đo đạc, có diện tích 57,9m^2. Đây là phần đất bà đang quản lý, sử dụng, có chênh lệch cao hơn diện tích đất bà được hưởng thì bà đồng ý trả lại cho ông T giá trị chênh lệch theo giá đất đã được Hội đồng định giá định.

- Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ, ông Tân trình bày: Ông xác định giữa ông và bà Th có tài sản chung là phần đất như bà Th trình bày, đây là đất cây lâu năm nhưng trên đất ông đã xây dựng một căn nhà, chia phần đất ra làm 2 cho bà Th ở nhưng bà Th không chịu ở mà lại đi khởi kiện ông. Ông chỉ đồng ý cho bà Th ở trên đất chứ không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T cho rằng tài sản này ông được mẹ ông là bà Nguyễn Mộng Đ cho riêng, nhưng nay cũng thống nhất chia đôi tài sản này với bà Th. Ông thống nhất với diện tích mà ông đang thực tế quản lý, sử dụng đã được thể hiện tại bản trích đo địa chính. Tuy nhiên, không đồng ý nhận giá trị chênh lệch do bà Th thối lại, mà yêu cầu phải chia đều hiện trạng đất, mỗi bên 52.65m^2. Vì theo ông, bà Th là nguyên đơn đứng đơn khởi kiện chia đôi tài sản thì nay phải chia cho đều.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2022/HNGĐ-ST ngày 10/02/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy đã quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung:

- Bà Nguyễn Thanh Th được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 57,9m2 (loại đất CLN), tại thửa 280, TBĐ số 46, đất tọa lạc tại địa chỉ 127/12/10C T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H002142/AT cấp ngày 05/7/2006 (Phần đất được đánh ký hiệu A, tại Bản trích đo địa chính số 71/TTKTTNMT ngày 07/10/2021, do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi Trường thành phố Cần Thơ lập)

- Bà Nguyễn Thanh Th được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc tách thửa, sang tên đối với phần đất nêu trên.

- Bà Nguyễn Thanh Th có nghĩa vụ phải trả lại cho ông Nguyễn Hồng T tiền giá trị của 5,25m^2 đất chênh lệch là 1.181.000 đồng (một triệu, một trăm tám mươi mốt ngàn đồng)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/02/2022, ông T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chia đôi tài sản chung là quyền sử dụng đất, ông không đồng ý chịu án phí xét xử vụ kiện.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông T yêu cầu được nhận phần đất vị trí (B), có diện tích 52,65m^2, cạnh đối diện cạnh giáp hẻm công cộng là 4,2m (do căn nhà cất có chiều ngang phía sau là 4,2m). Ông đồng ý chịu chi phí tố tụng, án phí theo quy định pháp luật.

Bà Th thống nhất ý kiến ông T, bà đồng nhận phần đất còn lại tại vị trí A, có diện tích 52,65m^2, có cạnh đối diện cạnh giáp hẻm công cộng là 4,05m, bà đồng ý tháo dỡ, di dời tài sản trả lại đất cho ông T.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Tại phiên tòa các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, sự tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không vi phạm đạo đức xã hội, đề nghị hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, việc tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Bà Th và ông T mỗi người phải chịu 300.000đ.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: cấp sơ thẩm chi hết 5.000.000đ, bà Th đã tạm nộp trước khoản tiền này để thanh toán nên ông T phải hoàn lại cho bà Thủy 50% là 2.500.000đ.

Về án phí phúc thẩm: Ông T kháng cáo nên phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2022/HNGĐ-ST ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

1. *Về chia tài sản:*

- Bà Nguyễn Thanh Th, ông Nguyễn Hồng T mỗi người được chia quyền sử dụng diện tích 52,65m^2 đất tại thửa 280, tờ bản đồ số 46, đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

Phần đất ông T có vị trí (B), có cạnh giáp Hẻm công cộng là 5,10m, cạnh đối diện phía sau dài 4,20m (*vị trí đất được xác định theo sơ đồ vị trí do Hội đồng xét xử lập ngày 22/6/2022*)

Phần đất của bà Th có vị trí A, có cạnh giáp hẻm công cộng là 4.20m, cạnh đối diện phía sau dài 4,05m (*vị trí đất được xác định theo sơ đồ vị trí do Hội đồng xét xử lập ngày 22/6/202*2).

Bà Th có trách nhiệm thảo dỡ, di dời tài sản trên đất của ông T được chia, để trả lại đất cho ông Tân.

(*Căn cứ Bản trích đo địa chính số 71/TTKTTNMT ngày 07/10/2021, do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi Trường thành phố Cần Thơ lập và Sơ đồ vị trí đất do Hội đồng xét xử phúc thẩm lập ngày 22/6/2022 để xác định vị trí, kích thước, diện tích đất của ông T mà bà Th đang sử dụng phải tháo sỡ, di dời tài sản*).

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. *Về chi phí đo đạc, định giá*: Bà Th phải chịu 2.500.000đ (đã nộp và chi xong). Ông Nguyễn Hồng T phải chịu 2.500.000đ để chuyển trả cho bà Nguyễn Thanh Th.

3. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh Th phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào 1.250.000đ tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo Biên lai thu số 004831 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy. Bà Th được nhận lại 950.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

Ông Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000đ.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000đ, được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002270 ngày 10/02/2022. Ông T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND-TPCT
- TAND Q.Bình Thủy
- Các đương sự
- Chi Cục THADS Q.Bình Thủy
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quyến